

Bản án số: 49/2020/DS-PT

Ngày: 18/12/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
cám và hợp đồng vay tiền*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Quang Cường**.

Các thẩm phán: ông **Ngô Văn Thắng**, bà **Nguyễn Thúy Hằng**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Hồ Thị Minh** – Thư ký TAND tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Trung**- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại TAND tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62 /2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán cám và hợp đồng vay tiền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐ-PT ngày 10/12/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh **Vũ Ngọc H**. Trú tại: thôn P, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh H là: ông **Vũ Ngọc T** (bố anh H). Trú tại: thôn P, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

2. *Bị đơn:* ông **Nguyễn Văn M** và bà **Bùi Thị Đ**. Trú tại: thôn P, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Người kháng cáo: bà **Bùi Thị Đ**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019 nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình anh H có mở đại lý bán cám thức ăn chăn nuôi, từ năm 2014 đến năm 2017 bà **Bùi Thị Đ** và ông **Nguyễn Văn M** có mua cám của gia đình anh. Tổng số tiền nợ mua cám đến năm 2015 là 931.000.000 đồng. Ngày 01/10/2015, hai bên

có thoả thuận chuyển 400.000.000 đồng tiền nợ mua cầm thành tiền vay và hai bên đã lập giấy vay tiền, bà Đ, ông M đã ký nhận và chấp nhận trả lãi là 0,85% một tháng. Còn lại hơn 500.000.000 đồng là tiền nợ mua cầm, anh H tiếp tục bán cầm cho ông M, bà Đ. Đến tháng 7/2018, gia đình anh H có cộng sổ chót nợ với gia đình bà Đ. Bà Đ và ông M có ghi cho anh H một giấy biên nhận nợ là 980.000.000 đồng trong đó có 400.000.000 đồng trả theo lãi ngân hàng kể từ ngày ký vay 01/10/2015. Kể từ đó cho đến cuối năm 2019, bà Đ và ông M cũng không thanh toán bất cứ đồng nào.

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn M phải trả cho gia đình ông số tiền sau:

Tiền nợ mua cầm là 559.600.000 đồng (đã trừ 20.400.000 đồng tiền đã trả).

Số tiền theo giấy vay nợ ngày 01/10/2015: 400.000.000 đồng + số lãi phát sinh từ tháng 9 năm 2017 đến hết tháng 8 năm 2020 (36 tháng) là 122.400.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn M trình bày:

Vợ chồng bà và anh Vũ Ngọc H có giao dịch mua bán cầm để chăn nuôi, không có hợp đồng mua bán. Vì lý do khách quan nên thua lỗ, anh H đơn phương chấm dứt không đầu tư bán cầm cho ông bà nữa, nên gia đình ông bà gặp khó khăn. Quá trình mua bán anh H và ông bà kéo dài trên dưới 4 năm và số tiền khoảng 4 tỉ đồng nhưng do dịch bệnh từ năm 2015 đến hết năm 2017 giá gia súc chăn nuôi giảm vì thế không đủ chi. Đến 26/4/2018 anh H không bán cầm cho vợ chồng ông bà nữa. Xuyên suốt trong quá trình mua bán đều thể hiện trên quyển sổ mua bán do tay anh H soạn thảo và ký kết vợ chồng bà lưu giữ, ngoài ra bà Đ không có một tài liệu nào thể hiện việc nợ nần mua bán hay vay số tiền của bố con ông Trường. Chốt đến ngày 26/4/2018 chấm dứt hoàn toàn số nợ là 580.000.000 đồng. Khoảng vài tháng sau anh H và ông T đến nhà ông bà yêu cầu viết giấy vay nợ, ông T có nói tách số nợ ra làm 2 phần, một phần 400.000.000 đồng để trả lãi ngân hàng, một phần giữ nguyên không phải trả lãi. Khi đó, vợ chồng bà túng thiếu và tâm lý bất an nên bà đã làm theo lời ông T đã đọc cho. Ngay hôm sau bà phát hiện ra số nợ ông T đọc cho bà viết là sai sự thật. Vợ chồng bà chỉ nợ 580.000.000 đồng chứ không phải là 980.000.000 đồng. Bà đã đòi lại giấy tờ đó rất nhiều lần nhưng ông T không trả. Nay ông T và anh H yêu cầu ông bà phải trả số tiền là 1.082.000.000 đồng (theo đơn khởi kiện là 1.152.000.000 đồng), bà đề nghị như sau: Về số tiền 400.000.000 đồng trong Giấy vay nợ bà không chấp nhận. Hiện nay, vợ chồng bà chỉ còn nợ lại bố con ông T là 580.000.000 đồng riêng khoản này vợ chồng bà đã phải trả 60.000.000 đồng tiền lãi từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 9 năm 2016. Ngoài ra ông T yêu cầu tính lãi, bà cũng không đồng ý vì ông T đã tính lãi trong bao cầm, còn không được tính lãi theo số tiền chậm trả. Về kết quả Trung

cầu giám định của Tòa án đã tiến hành, bà đồng ý với kết luận tuy nhiên bà Đ đề nghị xem xét lại việc lập giấy tờ giữa hai bên khi ký kết.

Tại kết luận giám định số 159/C09-P5 ngày 30/6/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thể hiện: “Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Đ dưới mục người vay trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.”

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân thị xã Đ quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ:

1. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ liên đới thanh toán cho anh Vũ Ngọc H số tiền 559.600.000 (*Năm trăm năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn*) đồng tiền nợ mua cám.

2. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ liên đới thanh toán cho anh Vũ Ngọc H số tiền 522.400.000 (*Năm trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng. Trong đó nợ vay gốc là 400.000.000 (*bốn trăm triệu*) đồng, số tiền nợ lãi phát sinh từ số nợ gốc theo thỏa thuận là 122.400.000 (*một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ liên đới thanh toán cho anh Vũ Ngọc H số tiền 11.000.000 (*mười một triệu*) đồng tiền chi phí giám định.

Ngoài ra Tòa án còn quyết định việc án phí, việc thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/9/2020 bà Bùi Thị Đ làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: xem xét lại bản chất giấy vay tiền của bà với anh H, xem xét lại cách thức anh H bán cám cho bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị Đ:

Căn cứ vào các chứng cứ do các bên cung cấp thì thấy:

Kể từ năm 2014 đến năm 2018 anh Vũ Ngọc H và gia đình bà Bùi Thị Đ và ông Nguyễn Văn M có mua bán cám với nhau, việc mua bán này là tự nguyện, căn cứ “giấy biên nhận” do vợ chồng bà Đ viết ghi ngày 14/7/2018 thì vợ chồng bà Đ có nợ anh H tổng cộng 980 triệu đồng tiền mua cám. Bà Đ cho rằng vì lo sợ anh H ngừng cung cấp cám, và do túng thiếu, tâm lý bất an nên bà phải viết theo nội dung do ông T (bố anh H) đọc cho viết, nhưng bà Đ lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai này của bà nên Tòa án không chấp nhận. Căn cứ “giấy

biên nhận” do vợ chồng bà Đ viết ghi ngày 14/7/2018 và “giấy vay tiền” ghi ngày 01/10/2015 có chữ ký của vợ chồng bà Đ ông M thì có căn cứ xác định trong số 980 triệu đồng tiền nợ mua cám thì hai bên đã chuyển 400 triệu thành tiền vay, với lãi suất 0,85% một tháng và vợ chồng bà Đ đã đồng ý quan điểm này nên mới ký vào “giấy vay tiền” ghi ngày 01/10/2015. Do đó, Tòa án thị xã Đ buộc vợ chồng bà Đ phải trả cho anh H 400 triệu đồng theo như “giấy vay tiền” ghi ngày 01/10/2015 là có căn cứ.

Đối với số tiền 559.600.000 đồng mà Tòa án thị xã Đ buộc vợ chồng bà Đ trả cho anh H thì bà Đ không kháng cáo, và tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm bà đều chấp nhận trả cho anh H nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2]Về án phí: Ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ là người cao tuổi nên không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không Chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 357; Điều 430; Điều 463; Khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ:

1. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ liên đới trả cho anh Vũ Ngọc H số tiền 559.600.000 (*Năm trăm năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn*) đồng tiền nợ mua cám.

2. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ liên đới trả cho anh Vũ Ngọc H số tiền 522.400.000 (*năm trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 400.000.000 (*bốn trăm triệu*) đồng, tiền lãi phát sinh từ số nợ gốc theo thỏa thuận là 122.400.000 (*một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ liên đới trả cho anh Vũ Ngọc H số tiền 11.000.000 (*mười một triệu*) đồng tiền chi phí giám định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với khoản nợ 559.600.000 đồng tiền nợ cám và 11.000.000 đồng tiền chi phí giám định, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Kể từ ngày 10/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, số tiền 522.400.000 đồng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 0,85%/tháng.

4. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị Đ. Trả lại anh Vũ Ngọc H số tiền 23.280.000 (Hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004389 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND, THA thị xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường

